

Sơn Hạ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non.
Năm học 2025-2026

Thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc thực hiện công khai đối cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Trường mầm non Sơn Thành cam kết thực hiện nghiêm túc các nội dung chăm sóc giáo dục, đội ngũ, cơ sở vật chất và tài chính trong nhà trường năm học 2025-2026.

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	100%	100%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021.	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	90%	90%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Sự kiện lễ hội, giáo dục kỹ năng sống	Sự kiện lễ hội, giáo dục kỹ năng sống

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nguyễn Khoa

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế.

Năm học 2025-2026

Thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc thực hiện công khai đối cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Trường mầm non Sơn Thành Công khai chất lượng giáo dục mầm non trong nhà trường năm học 2025-2026.

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	280	23	41	103	113
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	280	23	41	103	113
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	280	23	41	103	113
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	280	23	41	103	113
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	280	23	41	103	113
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em					
1	Số trẻ cân nặng bình thường		18	33	88	96
	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân		1	3	7	8
2	Số trẻ có chiều cao bình thường		0	0	0	0
	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi		4	5	8	9
	Số trẻ thừa cân béo phì		0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục					
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ		23			

2	Chương trình giáo dục mẫu giáo			41	103	113
---	--------------------------------	--	--	----	-----	-----

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nguyên Khoa

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2025-2026**

Thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc thực hiện công khai đối cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Trường mầm non Sơn Thành Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2025-2026.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	9	1,5m ²
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4852m ²	18,7 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1500 m ²	5,8 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	60 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>		
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	60m ²	0,34m ²
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	140m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	2 bộ	2/9 nhóm lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn	7 bộ	

	thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	2 bộ	2 bộ /2 sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	0	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	9 cái	
2	Đàn organ,	0 cái	

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*			9		trung bình 0,42 m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục		
XVI	Tường rào xây	x	

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nguyên Khoa

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non- Năm học 2025-2026

Thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc thực hiện công khai đối cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Trường mầm non Sơn Thành công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, Năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	26			20	1	1	4		17	3	17	2		
I	Giáo viên														
1	Nhà trẻ	2			1	1				1		1			
2	Mẫu giáo	16			16					15	1	16			
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	0													
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2		2		
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	4						4							

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nguyên Khoa

